

TỔNG CÔNG TY PISICO BÌNH ĐỊNH
CÔNG TY CỔ PHẦN

-----☞*☞-----

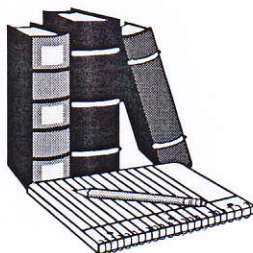


CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

-----☞*☞-----

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 1/2017

-----☞*☞-----



Nơi nhận:

Bình Định, ngày 24 tháng 04 năm 2017

MỤC LỤC

	Trang
Mục lục	1
1. Bảng cân đối kế toán hợp nhất	2-5
2. Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất	6
3. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	7-8
4. Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	9-37

TỔNG CÔNG TY PISICO BÌNH ĐỊNH - CÔNG TY CỔ PHẦN

99 Tây Sơn, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31/03/2017

Mẫu B 01 - DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính)

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
Tại ngày 31 tháng 03 năm 2017

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ 31/03/2017	Số đầu năm 01/01/2017
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		158.659.556.505	166.333.104.417
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V. 1	11.826.702.014	19.875.119.663
1. Tiền	111		9.026.702.014	18.460.124.989
2. Các khoản tương đương tiền	112		2.800.000.000	1.414.994.674
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		29.300.000.000	32.250.000.000
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V. 2a	29.300.000.000	32.250.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		65.441.698.257	44.804.039.391
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V. 3	61.106.469.908	43.423.278.293
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V. 4	1.129.239.850	1.166.082.803
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		5.250.000.000	2.350.000.000
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V. 5	1.571.708.686	1.480.398.482
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V. 7	(3.615.720.187)	(3.615.720.187)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139			
IV. Hàng tồn kho	140	V. 6	44.552.027.705	63.228.268.776
1. Hàng tồn kho	141		44.552.027.705	63.228.268.776
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		7.539.128.529	6.175.676.587
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V. 12	284.010.810	189.202.314
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		7.110.723.895	5.051.197.064
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V. 16	144.393.824	935.277.209
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

TỔNG CÔNG TY PISICO BÌNH ĐỊNH - CÔNG TY CỔ PHẦN

99 Tây Sơn, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31/03/2017

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ 31/03/2017	Số đầu năm 01/01/2017
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		338.774.712.982	339.595.724.037
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		3.924.080.660	3.924.080.660
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu dài hạn nội bộ	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	V. 5	3.924.080.660	3.924.080.660
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		86.088.112.227	87.736.575.882
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V. 9	67.051.764.595	68.619.693.178
<i>Nguyên giá</i>	222		125.210.341.470	125.015.189.819
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(58.158.576.875)	(56.395.496.641)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V. 10	19.036.347.632	19.116.882.704
<i>Nguyên giá</i>	228		20.279.084.480	20.279.084.480
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(1.242.736.848)	(1.162.201.776)
III. Bất động sản đầu tư	230	V. 11	37.916.494.106	39.279.809.864
<i>Nguyên giá</i>	231		84.139.881.173	84.139.881.173
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	232		(46.223.387.067)	(44.860.071.309)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		18.707.667.037	14.152.248.981
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V. 8b	18.707.667.037	14.152.248.981
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		186.631.538.893	188.639.766.543
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	V. 2b	179.194.918.897	181.203.146.547
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V. 2b	7.436.619.996	7.436.619.996
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		5.506.820.059	5.863.242.107
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V. 12	5.506.820.059	5.863.242.107
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		497.434.269.487	505.928.828.454

TỔNG CÔNG TY PISICO BÌNH ĐỊNH - CÔNG TY CỔ PHẦN

99 Tây Sơn, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31/03/2017

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ 31/03/2017	Số đầu năm 01/01/2017
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		145.868.602.189	144.311.681.617
I. Nợ ngắn hạn	310		106.465.553.134	100.400.590.623
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V. 14	27.072.188.198	23.129.521.608
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V. 15	3.317.439.711	7.373.217.255
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V. 16	1.195.247.140	1.371.446.464
4. Phải trả người lao động	314		10.076.999.283	11.951.443.776
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V. 17	3.173.053.503	1.898.182.214
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	V. 20a	3.624.026.572	6.338.563.368
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V. 18	3.020.860.708	4.657.225.482
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V. 13	54.226.850.758	43.114.142.276
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V. 19	758.887.261	566.848.180
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		39.403.049.055	43.911.090.994
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	V. 20b	23.725.549.796	23.514.379.415
7. Phải trả dài hạn khác	337		4.928.380.712	4.928.380.712
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V. 13	10.749.118.547	15.468.330.867
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học công nghệ	343		-	-

TỔNG CÔNG TY PISICO BÌNH ĐỊNH - CÔNG TY CỔ PHẦN

99 Tây Sơn, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31/03/2017

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ 31/03/2017	Số đầu năm 01/01/2017
D. NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		351.565.667.298	361.617.146.837
I. Vốn chủ sở hữu	410		351.565.667.298	361.617.146.837
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	V. 21	275.000.000.000	275.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		275.000.000.000	275.000.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	V. 21	522.569.600	522.569.600
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414	V. 21	-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417	V. 21	26.695.932.326	26.695.932.326
8. Quỹ đầu tư phát triển	418	V. 21	9.009.227.540	9.009.227.540
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	V. 21	33.498.003.349	42.730.987.268
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		26.249.557.268	13.429.671.547
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		7.248.446.081	29.301.315.721
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
13. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	429	V. 22	6.839.934.483	7.658.430.103
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		497.434.269.487	505.928.828.454

Bình Định, ngày 24 tháng 04 năm 2017


Nguyễn Ngọc Minh
Kế toán tổng hợp

Thái Minh Trung
Kế toán trưởng

Nguyễn Tấn Bình
Tổng giám đốc

TỔNG CÔNG TY PISICO BÌNH ĐỊNH - CÔNG TY CỔ PHẦN

99 Tây Sơn, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31/03/2017

BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH HỢP NHẤT
(Từ ngày 01/01/2017 -> 31/03/2017)

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2017 -> 31/03/2017	Từ 01/01/2016 -> 31/03/2016
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		136.163.133.891	120.049.275.985
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI. 1	136.163.133.891	120.049.275.985
4. Giá vốn hàng bán	11	VI. 2	113.138.765.447	100.853.805.932
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		23.024.368.444	19.195.470.053
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI. 3	678.430.179	2.158.300.734
7. Chi phí tài chính	22	VI. 4	706.235.412	1.210.156.397
<i>Trong đó: chi phí lãi vay</i>	23		<i>412.484.956</i>	<i>617.303.488</i>
8. Phần lãi/lỗ trong công ty liên kết, liên doanh	24	VI. 7	949.244.350	1.232.851.882
9. Chi phí bán hàng	25		8.988.733.028	5.114.956.229
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26		5.853.518.292	5.715.693.824
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		9.103.556.241	10.545.816.219
12. Thu nhập khác	31	VI. 5	12.609.162	52.294.367
13. Chi phí khác	32	VI. 6	26.024.664	21.000.000
14. Lợi nhuận khác	40		(13.415.502)	31.294.367
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		9.090.140.739	10.577.110.586
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI. 8	1.602.780.278	1.663.539.942
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		7.487.360.461	8.913.570.644
19. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	61	VI. 9	207.634.380	218.729.256
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông cty mẹ	62		7.279.726.081	8.694.841.388
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI. 10	265	316
22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI. 10	265	316

Bình Định, ngày 24 tháng 04 năm 2017



Nguyễn Ngọc Minh
Kế toán tổng hợp



Thái Minh Trung
Kế toán trưởng




Nguyễn Tấn Bình
Tổng Giám Đốc

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Theo phương pháp gián tiếp

Từ ngày 01/01/2017 -> 31/03/2017

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2017 -> 31/03/2017	Từ 01/01/2016 -> 31/03/2016
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		9.090.140.739	10.577.110.586
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	VII. 1	3.206.931.064	2.857.716.572
- Các khoản dự phòng	03		-	
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		160.009.229	94.634.819
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	VII. 2	(1.278.718.626)	(2.633.687.337)
- Chi phí lãi vay	06		412.484.956	617.303.488
- Các khoản điều chỉnh khác	07			
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		11.590.847.362	11.513.078.128
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(19.919.741.420)	(11.171.445.767)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		18.676.241.071	28.747.489.968
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, Thuế TNDN phải nộp)	11		(2.590.271.380)	(720.181.107)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		261.613.552	188.318.747
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13			
- Tiền lãi vay đã trả	14		(448.914.770)	(647.056.223)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(1.109.552.960)	(1.924.843.307)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		1.820.000	11.725.000
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(4.758.340.919)	(4.161.735.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		1.703.700.536	21.835.350.439
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(4.797.192.937)	(3.929.251.897)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	332.746.000
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(2.900.000.000)	(2.600.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		2.950.000.000	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		3.411.920.960	6.619.841.088
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(1.335.271.977)	423.335.191

TỔNG CÔNG TY PISICO BÌNH ĐỊNH - CÔNG TY CỔ PHẦN

99 Tây Sơn, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31/03/2017

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2017 -> 31/03/2017	Từ 01/01/2016 -> 31/03/2016
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	VII. 3	78.420.206.071	70.831.407.057
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	VII. 4	(72.209.905.941)	(82.086.790.983)
5. Tiền chi trả nợ thuế tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu và CĐTS	36		(14.625.000.000)	-
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	<i>40</i>		<i>(8.414.699.870)</i>	<i>(11.255.383.926)</i>
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		(8.046.271.311)	11.003.301.704
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		19.875.119.663	23.896.263.052
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ			(2.146.338)	35.395.941
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70		11.826.702.014	34.934.960.697

Bình Định, ngày 24 tháng 04 năm 2017



Nguyễn Ngọc Minh
Kế toán tổng hợp



Thái Minh Trung
Kế toán trưởng



Nguyễn Tấn Bình
Tổng giám đốc

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/03/2017

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1. Hình thức vốn chủ sở hữu: Công ty cổ phần

Tổng công ty PISICO Bình Định - Công ty cổ phần (viết tắt là PISICO) tiền thân là Tổng công ty Sản Xuất Đầu Tư Dịch Vụ Xuất Nhập Khẩu Bình Định là Công ty TNHH MTV do Nhà nước làm chủ sở hữu được thành lập theo Quyết định số 265/QĐ-UBND ngày 23/6/2010 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4100258987 do Sở Kế hoạch & Đầu tư Bình Định cấp lần đầu ngày 01/9/2010.

Ngày 17/10/2013, UBND tỉnh Bình Định ban hành Quyết định số 3065/QĐ-UBND, về việc phê duyệt phương án cổ phần hóa chuyên Tổng công ty Sản Xuất Đầu tư Dịch Vụ XNK Bình Định thành Tổng công ty PISICO Bình Định - Công ty cổ phần.

Tổng Công ty Pisico Bình Định - Công ty Cổ phần chính thức hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần kể từ ngày 27/01/2014 theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 4100258987 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Định cấp đăng ký thay đổi lần thứ 3 vào ngày 27 tháng 01 năm 2014 và các Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đăng ký thay đổi sau đó.

Vốn điều lệ của Tổng Công ty Pisico Bình Định - Công ty Cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần đăng ký thay đổi lần thứ 3 đến lần đăng ký thay đổi lần thứ 6 là 275.000.000.000 đồng, được chia thành 27.500.000 cổ phần có mệnh giá 10.000 đồng.

Trụ sở chính của PISICO đặt tại 99 Tây Sơn, thành phố Quy Nhơn, Bình Định

2. Lĩnh vực và ngành nghề kinh doanh

Ngành nghề kinh doanh của Tổng Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp: Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế bằng gỗ; Chế biến lâm sản; Trồng rừng và chăm sóc rừng; Khai thác gỗ và khai thác lâm sản khác; Tư vấn thiết kế công trình lâm sinh; Kinh doanh truyền hình cáp; Kinh doanh dịch vụ cảng biển, dịch vụ giao nhận hàng hóa; Dịch vụ cho thuê kho, bãi, bảo quản hàng hóa; Khách sạn; Nhà hàng, quán ăn, hàng ăn uống; Sản xuất các loại bao bì, sản phẩm tiêu dùng từ chất dẻo; Đầu tư hạ tầng; Kinh doanh bất động sản; Xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp; Xây dựng công trình kỹ thuật hạ tầng; Kinh doanh nguyên liệu giấy; Khai thác, chế biến và mua bán hàng nông, lâm, thủy sản; Sản xuất và mua bán hàng công nghiệp thực phẩm, thức ăn chăn nuôi, may mặc, giày da; Mua bán máy móc, thiết bị, vật tư, nguyên phụ liệu ngành nông, lâm, thủy sản và vật liệu xây dựng; Mua bán máy móc, phương tiện vận tải, phân bón, thuốc bảo vệ thực vật, xăng dầu; Kinh doanh truyền hình cáp và vật tư, thiết bị viễn thông; Thăm dò, khai thác, chế biến, mua bán tài nguyên khoáng sản các loại; Đầu tư tài chính vào các doanh nghiệp.

3. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

4. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

TỔNG CÔNG TY PISICO BÌNH ĐỊNH - CÔNG TY CỔ PHẦN

99 Tây Sơn, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31/03/2017

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**5. Cấu trúc doanh nghiệp**

	Tên Công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Vốn điều lệ	Tỷ lệ sở	Cổ phiếu
a. Công ty con					
	Công ty CP DV PT Hạ tầng Cty TNHH MTV truyền hình Cấp Quy Nhơn	Phường Nhơn Bình, 198 Trần Hưng Đạo, Tp.Quy Nhơn	15.000.000.000 10.000.000.000	70,83% 100%	106.250
b. Công ty liên doanh, liên kết					
	Công ty CP Kinh doanh CNN Bình Định	99 Tây Sơn, Tp.Quy Nhơn, Bình Định	170.000.000.000	50%	8.500.000
	Công ty TNHH Nguyên liệu giấy Quy Nhơn	Đường số 10, KCN Phú Tài, Tp.Quy Nhơn, Bình Định	9.500.000.000	45%	
	Công ty CP chế biến gỗ PISICO Đồng An	Lô C, KCN Đồng An, Huyện Thuận An, Bình Dương	17.600.000.000	31,28%	550.528
	Công ty CP chế biến gỗ Nội Thất PISICO	Lô C6-C7, KCN Phú Tài, Tp.Quy Nhơn, Bình Định	15.000.000.000	40,01%	600.200
	Công ty CP PISICO Hà Thanh	Cụm Công nghiệp Canh Vinh, Vân Canh, Bình Định	16.500.000.000	36,36%	600.000
	Công ty TNHH Vật liệu XD PISICO	Thôn Quy hội, Xã Phước An, Huyện Tuy Phước, Bình Định	20.000.000.000	35,00%	
c. Các đơn vị phụ thuộc của Tổng Công ty:					
	▶ Xí nghiệp Chế biến Lâm sản Xuất khẩu Pisico - Chi nhánh Pisico Địa chỉ: Khu vực 7, Phường Nhơn Phú, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định.				
	▶ Xí nghiệp Lâm nghiệp Pisico - Chi nhánh Pisico Địa chỉ: Khu vực 7, Phường Trần Quang Diệu, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định.				
	▶ Xí nghiệp kinh doanh và Phát triển hạ tầng Pisico - Chi nhánh Pisico Địa chỉ: 99 Tây Sơn, Phường Ghènh Ráng, Thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định				
	▶ Chi nhánh Tổng Công ty Pisico Bình Định - Công ty Cổ phần Địa chỉ: 104 Nguyễn Chí Thanh, Phường 3, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh.				

6. Khả năng so sánh thông tin**II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN****1. Năm tài chính**

Năm tài chính của PISICO bắt đầu từ ngày 01/01 hàng năm và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND)

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ Kế toán và chuẩn mực kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính của Tổng Công ty được trình bày phù hợp với Chế độ Kế toán doanh nghiệp và các chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài Chính ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014.

2. Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của công ty mẹ và công ty con cho năm tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2016 và kết thúc ngày 31/12/2016.

Công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua, là ngày công ty mẹ thực sự nắm quyền kiểm soát công ty con, và tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày công ty mẹ thực sự chấm dứt quyền kiểm soát đối với công ty con.

Báo cáo tài chính của công ty mẹ và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán, và được áp dụng các chính sách kế toán một cách thống nhất.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa các đơn vị trong cùng Tập đoàn, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi hoặc lỗ nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ hoàn toàn.

Lợi ích của cổ đông thiểu số là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi công ty mẹ và được trình bày riêng biệt trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và được trình bày riêng biệt với phần vốn chủ sở hữu của Chủ sở hữu của công ty mẹ trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Nguyên tắc chuyển đổi Báo cáo tài chính lập bằng ngoại tệ sang Đồng Việt Nam (Trường hợp đồng tiền ghi sổ kế toán khác với Đồng Việt Nam)

2. Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

3. Nguyên tắc xác định lãi suất thực tế (lãi suất hiệu lực) dùng để chiết khấu dòng tiền.

4. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền.

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi.

5. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

- Chứng khoán kinh doanh
- Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được phân loại là ngắn hạn khi có kỳ hạn còn lại không quá 12 tháng kể từ thời điểm báo cáo như tiền gửi có kỳ hạn, trái phiếu, thương phiếu và các loại chứng khoán nợ khác; chỉ tiêu này không bao gồm các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn đã được trình bày trong chỉ tiêu "các khoản tương đương tiền", chỉ tiêu "phải thu về cho vay ngắn hạn"

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được phân loại là dài hạn khi có kỳ hạn còn lại trên 12 tháng kể từ thời điểm báo cáo như tiền gửi có kỳ hạn, trái phiếu, thương phiếu và các loại chứng khoán nợ khác; chỉ tiêu này không bao gồm các khoản cho vay được trình bày trong chỉ tiêu "phải thu về cho vay dài hạn"

TỔNG CÔNG TY PISICO BÌNH ĐỊNH - CÔNG TY CỔ PHẦN

99 Tây Sơn, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31/03/2017

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

- Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được phân loại là ngắn hạn khi có kỳ hạn thu hồi còn lại không quá 12 tháng hoặc trong một chu kỳ kinh doanh thông thường tại thời điểm báo cáo, như cho các khoản vay bằng khế ước, hợp đồng vay giữa 2 bên

Các khoản cho vay được phân loại là dài hạn khi có kỳ hạn thu hồi còn lại trên 12 tháng tại thời điểm báo cáo, như cho các khoản vay bằng khế ước, hợp đồng thỏa thuận vay giữa 2 bên

- Đầu tư vào các công ty liên doanh, liên kết

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết được hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Công ty liên kết là các công ty mà trong đó nhà đầu tư có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của nhà đầu tư. Thông thường, Tập đoàn được coi là có ảnh hưởng đáng kể nếu sở hữu từ 20% trở lên quyền bỏ phiếu ở đơn vị nhận đầu tư.

Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Công ty trong tài sản thuần của công ty liên kết sau khi mua. Lợi thế thương mại phát sinh được phản ánh trong giá trị còn lại của khoản đầu tư và được phân bổ trong khoảng thời gian mười năm. Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất phản ánh phần sở hữu của Tập đoàn trong kết quả hoạt động kinh doanh của công ty liên kết sau khi mua.

Phần sở hữu của nhà đầu tư trong lợi nhuận/(lỗ) của công ty liên kết sau khi mua được phản ánh trên báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất và phần sở hữu của nhà đầu tư trong thay đổi sau khi mua của quỹ dự trữ được ghi nhận vào quỹ dự trữ. Thay đổi lũy kế sau khi mua được điều chỉnh vào giá trị còn lại của khoản đầu tư vào công ty liên kết. Cổ tức được nhận từ công ty liên kết được cản trở vào khoản đầu tư vào công ty liên kết.

Các Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng kỳ với các Báo cáo tài chính của Tập đoàn và sử dụng các chính sách kế toán nhất quán. Các điều chỉnh hợp nhất thích hợp đã được ghi nhận để bảo đảm các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với Tập đoàn trong trường hợp cần thiết.

- Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác: là các khoản đầu tư vào vốn chủ sở hữu của đơn vị khác nhưng Tổng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát, ảnh hưởng đáng kể; các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá mua thực tế.

Dự phòng giảm giá cho các khoản đầu tư vào các tổ chức kinh tế khác được trích lập khi các tổ chức kinh tế này bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích lập tương ứng với tỷ lệ góp vốn của Tập đoàn trong các tổ chức kinh tế này.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí trong kỳ.

- các phương pháp kế toán đối với các giao dịch khác liên quan đến đầu tư tài chính

6. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ bao gồm: các khoản phải thu từ khách hàng, các khoản phải thu các đơn vị trực thuộc và các khoản phải thu khác.

Các khoản phải thu được phân loại là ngắn hạn khi có thời gian thu hồi còn lại không quá 12 tháng hoặc trong một chu kỳ kinh doanh thông thường.

Các khoản phải thu được phân loại là dài hạn khi có thời gian thu hồi còn lại trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ kinh doanh thông thường.

TỔNG CÔNG TY PISICO BÌNH ĐỊNH - CÔNG TY CỔ PHẦN

99 Tây Sơn, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31/03/2017

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Tổng Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm.

7. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc

Giá gốc của hàng tồn kho là nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ và hàng hóa bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc của hàng tồn kho là thành phẩm và chi phí sản xuất kinh doanh dở dang bao gồm chi phí nguyên liệu và chi phí sản xuất chung

'Hàng tồn kho được đánh giá thực tế trên cơ sở kiểm kê số lượng, chất lượng thực tế, mặt bằng giá thị trường hiện thời và giá trị hình thành của tài sản.

Hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền tại thời điểm phát sinh và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng

8. Nguyên tắc ghi nhận và các khấu hao TSCĐ, TSCĐ thuê tài chính, bất động sản đầu tư:

- Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

vào hoạt động như dự kiến. Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh. Khi tài sản được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi lỗ phát sinh do bán hoặc thanh lý tài sản được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm.

- Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến. Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh. Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị khấu hao lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi lỗ phát sinh do bán hoặc thanh lý tài sản được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm.

- Khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình và vô hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

- Tài sản cố định thuê tài chính

- Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá bao gồm cả các chi phí giao dịch liên quan trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá của bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành.

Các chi phí liên quan đến BĐS đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí trong kỳ, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá.

Khi bất động sản đầu tư được bán, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh đều được hạch toán vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

9. Nguyên tắc kế toán các hợp đồng hợp tác kinh doanh

10. Nguyên tắc kế toán thuế TNDN hoãn lại

11. Nguyên tắc ghi nhận chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên Bảng cân đối kế toán và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

12. Nguyên tắc kế toán nợ phải trả

Nợ phải trả phản ánh các khoản nợ phát sinh trong quá trình hoạt động SXKD mà TCTy phải trả, phải thanh toán cho các chủ nợ, bao gồm các khoản phải trả cho người bán, cho Nhà nước, cho công nhân viên và các khoản phải trả khác

Nợ phải trả được phân loại là ngắn hạn khi TCTy có trách nhiệm trả trong vòng 1 năm hoặc trong 1 chu kỳ kinh doanh bình thường

Nợ phải trả được phân loại là dài hạn khi TCTy xác định thời gian phải trả là trên 1 năm

Đối với các khoản nợ phải trả có gốc ngoại tệ, cuối kỳ quyết toán TCTy đánh giá lại theo tỷ giá bán của Ngân hàng thương mại nơi TCTy mở tài khoản

13. Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính

Các khoản vay và nợ thuê tài chính được phân loại là dài hạn khi có thời gian trả nợ hơn 12 tháng kể từ thời điểm lập Báo cáo tài chính, các khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng tiếp theo kể từ thời điểm lập Báo cáo tài chính thì được phân loại là ngắn hạn để có kế hoạch chi trả.

Giá trị khoản nợ phải trả thuê tài chính được tính bằng giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuê.

Khi lập Báo cáo tài chính, số dư các khoản vay và nợ thuê tài chính bằng ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

Khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc thanh toán và đánh giá lại cuối kỳ khoản vay, nợ thuê tài chính bằng ngoại tệ được hạch toán vào doanh thu hoặc chi phí hoạt động tài chính.

14. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của doanh nghiệp.

Các chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến khoản vay (ngoài lãi vay phải trả), như chi phí thẩm định, kiểm toán, lập hồ sơ vay... Được hạch toán vào chi phí tài chính. Trường hợp các chi phí này phát sinh từ khoản vay riêng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì được vốn hóa.

Chi phí đi vay được hạch toán như chi phí phát sinh trong năm ngoại trừ các khoản được vốn hóa như theo nội dung của đoạn tiếp theo.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể cần có một thời gian đủ dài để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc để bán được vốn hóa vào nguyên giá của tài sản đó.

15. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí.

16. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả:

17. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện gồm doanh thu nhận trước như: số tiền khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều kỳ kế toán về cho thuê tài sản; khoản lãi nhận trước khi cho vay vốn hoặc mua các công cụ nợ và các khoản khác như khoản chênh lệch giữa giá bán hàng trả chậm, trả góp theo cam kết với giá bán trả tiền ngay.....

18. Nguyên tắc ghi nhận trái phiếu chuyển đổi

19. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn chủ sở hữu của Tổng Công ty bao gồm:

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của Chủ sở hữu.
- Vốn khác: hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, giá trị các tài sản được tặng, biếu, tài trợ và đánh giá lại tài sản.
- Các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu được trích lập và sử dụng theo các quy định hiện hành của Nhà nước.
- Lợi nhuận sau thuế được phân phối và sử dụng theo các quy định hiện hành của Nhà nước.

20. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Tổng Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

- Doanh thu từ bán hàng hóa được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và quyền sở hữu của hàng hóa được chuyển giao cho người mua, thường là trùng với việc chuyển giao hàng hóa.
- Khi cung cấp dịch vụ, doanh thu được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày cuối kỳ.
- Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Tổng Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch và được xác định tương đối chắc chắn. Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất từng kỳ. Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi cổ đông được quyền nhận cổ tức hoặc các bên tham gia góp vốn được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

21. Nguyên tắc kế toán các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm: Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ thì TCTy điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh.

Trường hợp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau phải giảm giá, phải chiết khấu thương mại, bị trả lại nhưng phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì TCTy ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của kỳ lập báo cáo.

Trường hợp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau phải giảm giá, phải chiết khấu thương mại, bị trả lại nhưng phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì TCTy ghi giảm doanh thu của kỳ phát sinh (kỳ sau).

22. Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán phản ánh trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư...ngoài ra còn phản ánh các chi phí liên quan đến hoạt động kinh doanh bất động sản đầu tư như: chi phí khấu hao, chi phí sửa chữa, chi phí nhượng bán, thanh lý BDSĐT....

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính vào giá vốn hàng bán trên cơ sở số lượng hàng tồn kho và phần chênh lệch giữa giá trị thuần có thể thực hiện được nhỏ hơn giá gốc hàng tồn kho. Khi trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho TCTy loại trừ khối lượng hàng tồn kho đã ký hợp đồng tiêu thụ (có giá trị thuần có thể thực hiện được không thấp hơn giá trị ghi sổ) nhưng chưa chuyển giao cho khách hàng nếu có bằng chứng chắc chắn về việc khách hàng sẽ không từ bỏ thực hiện hợp đồng.

Khi bán sản phẩm, hàng hóa kèm theo thiết bị, phụ tùng thay thế thì giá trị thiết bị, phụ tùng thay thế được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

Đối với phần giá trị hàng tồn kho bị hao hụt, mất mát, TCTy tính vào giá vốn hàng bán (sau khi trừ đi các khoản bồi thường nếu có)

Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho, Tcty sẽ tính vào giá vốn hàng bán (sau khi trừ đi các khoản bồi thường nếu có) kể cả khi sản phẩm hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ

23. Nguyên tắc kế toán chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính bao gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính
- Chi phí cho vay và đi vay vốn
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính

24. Nguyên tắc kế toán chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh thực tế phát sinh quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, quảng bá thương hiệu, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển

Chi phí quản lý bao gồm các khoản chi phí về tiền lương của Ban lãnh đạo, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của Cán bộ CNV TCTy, chi phí vật liệu văn phòng, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp, thuế môn bài, các khoản lập dự phòng phải thu khó đòi

Đối với các khoản chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp không được coi là chi phí tính thuế TNDN theo quy định của Luật thuế nhưng có đầy đủ hóa đơn chứng từ và đã hạch toán đúng theo chế độ kế toán thì TCTy không ghi giảm chi phí kế toán mà chỉ điều chỉnh trong quyết toán thuế TNDN để làm tăng số thuế TNDN phải nộp.

25. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế TNDN hiện hành , chi phí thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

- *Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành*

Thuế thu nhập hiện hành là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp áp dụng tại ngày cuối kỳ.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

- *Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại*

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập hoãn lại phát sinh liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

TỔNG CÔNG TY PISICO BÌNH ĐỊNH - CÔNG TY CỔ PHẦN

99 Tây Sơn, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31/03/2017

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Doanh nghiệp chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi doanh nghiệp có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc các đơn vị chịu thuế khác nhau dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hoãn lại hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

26. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<u>31/03/2017</u>	<u>01/01/2017</u>
Tiền mặt tại quỹ	361.670.972	460.542.372
Tiền gửi ngân hàng	8.665.031.042	17.999.582.617
Các khoản tương đương tiền (tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn tính đến ngày đáo hạn dưới 3 tháng)	2.800.000.000	1.414.994.674
Cộng	<u>11.826.702.014</u>	<u>19.875.119.663</u>

2. Các khoản đầu tư tài chính**a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	Tại ngày 31/03/2017		Tại ngày 01/01/2017	
	Giá gốc	GT ghi sổ	Giá gốc	GT ghi sổ
a1. Ngắn hạn	29.300.000.000	-	32.250.000.000	-
- Tiền gửi có kỳ hạn	29.300.000.000	-	32.250.000.000	-
a2. Dài hạn	-	-	-	-
Cộng	29.300.000.000	-	32.250.000.000	-

b. Đầu tư tài chính dài hạn

TỔNG CÔNG TY PISICO BÌNH ĐỊNH
CÔNG TY CỔ PHẦN
 99 Tây Sơn, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
 Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31/03/2017

b1. Đầu tư vào Công ty liên kết, liên doanh

	Công ty CP chế biến gỗ Pisico Đồng An	Cty TNHH Nguyên liệu giấy Quy Nhơn	Công ty Cổ phần Pisico - Hà Thanh	Công ty CP chế biến gỗ nội thất Pisico	Công ty CP Kinh doanh Công nông nghiệp Bình Định	Công ty TNHH Vật liệu XD PISICO	Tổng cộng
Tại ngày 01/01/2016	8.814.989.800	13.522.572.431	8.396.615.197	11.560.330.471	124.681.921.476	4.525.545.454	171.501.974.829
Phần lãi / lỗ trong công ty liên kết ứng với phần tỷ lệ sở hữu	2.688.878.722	4.061.643.658	6.568.820.325	3.011.017.580			16.330.360.285
Các khoản tăng / giảm vốn chủ sở hữu tại công ty liên kết	-72.110.296	-1.433.835.000	-1.752.727.273	-373.208.807			(3.631.881.376)
Cổ tức nhận trong kỳ	-1.926.848.000	-3.268.440.000	-6.071.557.742	-1.680.560.000			(12.947.405.742)
CLTG trên bảng CĐKT ứng với tỷ lệ sở hữu tại ngày 31/12/2016					-2.524.355.995		(2.524.355.995)
Góp vốn vào Cty LD&LK 2016					10.000.000.000	2.474.454.546	12.474.454.546
Tại ngày 31/12/2016	9.504.910.226	12.881.941.089	7.141.150.507	12.517.579.244	132.157.565.481	7.000.000.000	181.203.146.547
Tại ngày 01/01/2017	9.504.910.226	12.881.941.089	7.141.150.507	12.517.579.244	132.157.565.481	7.000.000.000	181.203.146.547
Phần lãi / lỗ trong công ty liên kết ứng với phần tỷ lệ sở hữu	949.244.350						949.244.350
Các khoản tăng / giảm vốn chủ sở hữu tại công ty liên kết	-31.280.000						(31.280.000)
Cổ tức nhận trong kỳ	-825.792.000		-900.000.000	-1.200.400.000			(2.926.192.000)
Tại ngày 31/03/2017	9.597.082.576	12.881.941.089	6.241.150.507	11.317.179.244	132.157.565.481	7.000.000.000	179.194.918.897

TỔNG CÔNG TY PISICO BÌNH ĐỊNH - CÔNG TY CỔ PHẦN

99 Tây Sơn, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31/03/2017

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Các giao dịch trọng yếu

Bên liên quan/Nội dung giao dịch	Từ 01/01/2017 -> 31/03/2017	Từ 01/01/2016 -> 31/03/2016
- Công ty Cổ phần Kinh doanh Công Nông nghiệp B.Định		
Ứng vốn	2.800.000.000	1.100.000.000
- Công ty TNHH Nguyên liệu giấy Quy Nhơn		
Bán hàng	307.549.800	3.339.980.800
Mua hàng	1.581.071.040	
Phải trả	456.510.200	
Thu tiền lợi nhuận được chia		855.000.000
- Công ty Cổ phần Chế biến gỗ nội thất Pisico		
Thu tiền cổ tức được chia	1.200.400.000	1.200.400.000
- Công ty Cổ phần Chế biến gỗ Pisico Đồng An		
Thu tiền cổ tức được chia	825.792.000	1.101.056.000
- Công ty Cổ phần Pisico - Hà Thanh		
Bán hàng	1.850.293.100	3.239.652.300
Phải thu	1.217.003.000	1.000.481.100
Mua hàng	25.725.948.636	
Phải trả	7.430.894.361	
Thu tiền cổ tức được chia	900.000.000	600.000.000
- Công ty TNHH Vật liệu Xây dựng PISICO		
Ứng vốn	100.000.000	

b2. Đầu tư vào đơn vị khác

	Tại ngày 31/03/2017		Tại ngày 01/01/2017	
	Số lượng cổ phần sở hữu	Giá trị	Số lượng cổ phần sở hữu	Giá trị
Góp vốn điều lệ thành lập Công ty Cổ phần Chế biến Lâm sản Pisico Quảng Nam	22.750	3.776.950.866	22.750	3.776.950.866
Góp vốn điều lệ thành lập Công ty Cổ phần Tinh bột sắn Bình Định	280.660	3.639.669.130	280.660	3.639.669.130
Mua cổ phiếu của Công ty Cổ phần xuất nhập khẩu Dịch vụ và Đầu tư Việt Nam (Vicosimex)	2.000	20.000.000	2.000	20.000.000
Cộng		7.436.619.996		7.436.619.996

Thông tin về Công ty đầu tư dài hạn tại ngày 31/03/2017 như sau:

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Vốn điều lệ	Tỷ lệ sở hữu %
Công ty CP Chế biến tinh bột sắn	Thôn Hữu Lộc, Mỹ Hiệp, Huyện Phù Mỹ, Bình Định	28.000.000.000	12,71%
Công ty CP CB LS PISICO Quảng Nam	Tam Nghĩa, Núi Thành, Quảng Nam	12.000.000.000	18,96%

TỔNG CÔNG TY PISICO BÌNH ĐỊNH - CÔNG TY CỔ PHẦN

99 Tây Sơn, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31/03/2017

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**3. Phải thu của khách hàng**

	31/03/2017	01/01/2017
a. Tổng Công ty PISICO	56.813.839.625	37.787.270.189
Khách hàng DEHNER	4.715.885.666	2.067.349.600
Hartman Outdoor Product (Anh)		521.876.115
Khách hàng COOP ITALIA	2.918.196.050	317.625.600
Khách hàng A-MIR (Garden Team)	927.974.894	-
Công ty TNHH SX Furniture Sài Gòn		15.485.085
Công ty TNHH SX TM Lê Dung		76.723.600
Khách hàng CCST	598.536.378	-
Cty TNHH Bình Phú		295.358.249
Khách hàng ASINDO	2.919.644.131	4.434.807.680
KH MGI POLSKA (ARENA BALAN)		591.003.318
KH Bricorama	7.420.350	455.649.600
Cty TNHH Nordic Country Home VN		303.235.879
Cty TNHH SX TM Thanh Hòa		145.142.910
Khách hàng HD FURNITURE GROUP		355.408.960
Khách hàng Globus (nordio)		1.326.677.600
Khách hàng Conforama	2.485.784.224	3.471.213.856
Khách hàng FILIBA D.O.O (Steinhoff)	863.647.015	-
Khách hàng KIKA (Steinhoff)	356.307.490	-
Khách hàng ADEO	15.538.536.475	8.132.683.072
Công ty CP PISICO Hà Thanh	1.217.003.000	922.004.800
Công ty TNHH Hào Hưng	6.766.183.605	5.515.875.037
Công ty TNHH Trồng rừng Quy Nhơn	9.449.996.071	872.796.387
Công ty TNHH Nguyên liệu giấy QN		25.368.000
Công ty CP gỗ Đại Phúc	611.156.469	611.156.469
Công ty CP ĐT Quốc tế & XNK DHT	635.044.101	775.044.101
Công ty TNHH Vạn Đại	2.487.554.917	2.487.554.917
Công ty TNHH Thành Luân		152.225.756
Công ty bao bì Hòa Phát	464.291.520	
Công ty TNHH Hoàng Gia	217.091.063	217.091.063
Công ty TNHH Gia Hưng	122.900.323	122.900.323
Công ty TNHH Tân Vĩnh Thái	2.043.722.601	3.088.844.930
Công ty TNHH TM DV Vân Nguyễn	486.167.282	486.167.282
Công ty TNHH SX dăm gỗ Bình Định	980.796.000	

TỔNG CÔNG TY PISICO BÌNH ĐỊNH - CÔNG TY CỔ PHẦN

99 Tây Sơn, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31/03/2017

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	31/03/2016	01/01/2017
b. Cty CP DV Phát triển Hạ tầng PBC	4.038.884.083	5.441.186.104
DNTN Phú Lợi	1.058.723.457	1.058.723.457
Cty TNHH TM Phú Mỹ	1.258.817.745	1.258.817.745
Cty CP DV Công nghiệp Hàng Hải	546.979.649	1.128.063.331
Cty TM Thăng Long TNHH	144.169.134	159.169.134
Khách hàng khác	1.030.194.098	1.836.412.437
c. Cty TNHH MTV Truyền Hình cáp QN	253.746.200	194.822.000
Công ty TNHH Truyền thông và QC Đất võ	20.000.000	20.000.000
Khách hàng khác	233.746.200	174.822.000
Cộng	61.106.469.908	43.423.278.293
4. Trả trước cho người bán ngắn hạn	31/03/2017	01/01/2017
a. Tổng Công ty PISICO	758.894.990	719.688.934
Vietravel - CN Quy Nhơn	168.900.000	
Cty TNHH Máy Thăng Lợi	62.368.000	
Công ty TNHH Trồng rừng QN	467.626.990	
Công ty TNHH XD An Đạt	60.000.000	
Công ty TNHH Nguyên liệu giấy QN		2.673.000
Cty TNHH SX TM Và DV Đại Dương Kính		10.000.000
DNTN Cảnh toàn		399.637.350
Công ty TNHH Hoàng Khôi		56.821.600
Ngô Thanh Phước		20.306.000
Công ty TNHH SX Và TM Sao Vàng		195.505.350
Công ty CP Giao nhận toàn cầu DHL		34.745.634
b. Cty CP DV Phát triển Hạ tầng PBC	42.537.000	11.400.000
Công ty TNHH Kiểm toán FAC-CN Nha Trang		11.400.000
Công ty TNHH Khoa học kỹ thuật & MT Miền trung	42.537.000	
c. Cty TNHH MTV Truyền Hình cáp QN	327.807.860	434.993.869
Cty CP CN Viễn Đông CORD	27.568.860	10.980.860
Cty TNHH DV Huỳnh Khải Minh		76.020.945
Cty TNHH TM DV ĐT Hưng Thông		47.753.064
Cty TNHH TV TK XD Huy Hoàng	107.739.000	107.739.000
Cty CP NetNam	192.500.000	192.500.000
Cộng	1.129.239.850	1.166.082.803
5. Phải thu khác	31/03/2017	01/01/2017
- Ngắn hạn	1.571.708.686	1.480.398.482
Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp của các đơn vị thuê đất	3.904.056	3.904.056
Công ty thương mại và phát triển Miền núi		-
Phải thu BHXH, BHYT, BHTN	118.980.903	114.386.405

TỔNG CÔNG TY PISICO BÌNH ĐỊNH - CÔNG TY CỔ PHẦN

99 Tây Sơn, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31/03/2017

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	31/03/2017	01/01/2017
Dự thu lãi tiền gửi ngân hàng + Lãi ứng vốn	201.044.110	357.298.794
Công ty TNHH THC Saigontourist	205.131.450	-
Công ty CP Tinh bột sắn XK Bình Định	448.270.000	448.270.000
Tạm ứng CBCNV	190.824.000	56.037.000
Tiền thuê đất thô phải thu của các DN	83.439.770	83.439.770
Phải thu về thoái vốn Nhà nước	107.790.000	41.790.000
Ký quỹ mở L/C	-	162.948.060
Các khoản khác	212.324.397	212.324.397
- Dài hạn	3.924.080.660	3.924.080.660
Tiền đặt cọc thuê Văn phòng Truyền hình cáp	1.800.000	1.800.000
Phải thu lại của NN tiền hỗ trợ bồi thường về đất CCN Cát Nhơn	3.879.460.660	3.879.460.660
Phải thu lại của nhà nước tiền tạm ứng bồi thường thu hồi đất khu cải táng Cụm công nghiệp Cát Nhơn	42.820.000	42.820.000
Cộng	5.495.789.346	5.404.479.142
6. Hàng tồn kho		
	31/03/2017	01/01/2017
Nguyên liệu, vật liệu tồn kho	16.952.755.842	18.077.145.741
Công cụ, dụng cụ trong kho	2.366.666.823	6.211.415.724
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	16.913.107.173	32.812.506.320
Thành phẩm tồn kho	2.975.442.994	4.094.824.804
Hàng hóa tồn kho	4.698.445.351	1.386.766.665
Hàng hóa bất động sản	645.609.522	645.609.522
Cộng	44.552.027.705	63.228.268.776
7. Dự phòng phải thu khó đòi ngắn hạn		
	31/03/2017	01/01/2017
a. Tổng Công ty PISICO	1.608.901.978	1.608.901.978
Công ty TNHH TM DV Vân Nguyễn	486.167.282	486.167.282
Công ty TNHH Vạn Đại	805.666.796	805.666.796
Công ty DHT	163.964.795	163.964.795
Công ty Đại Phúc	91.652.943	91.652.943
Công ty Gia Hưng	61.450.162	61.450.162
b. Cty CP DV Phát triển Hạ tầng PBC	1.986.818.209	1.986.818.209
Cty TNHH TM Phú Mỹ	831.724.777	831.724.777
DNTN Phú lợi	583.593.380	583.593.380
Cty TM Thăng long TNHH	159.169.134	159.169.134
Cty CP DV Công nghiệp Hàng Hải	412.330.918	412.330.918
c. Cty TNHH MTV Truyền Hình cáp QN	20.000.000	20.000.000
Cty TNHH TT và Quảng cáo Đất võ	20.000.000	20.000.000
Cộng	3.615.720.187	3.615.720.187

TỔNG CÔNG TY PISICO BÌNH ĐỊNH - CÔNG TY CỔ PHẦN

99 Tây Sơn, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31/03/2017

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

* Chi tiết:

	Tại ngày 31/03/2017		Tại ngày 01/01/2017	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Công ty TNHH TM DV Vân Nguyễn	486.167.282	-	486.167.282	-
Công ty TNHH Vạn Đại	1.861.602.470	1.055.935.674	1.861.602.470	1.055.935.674
Công ty DHT	455.635.733	291.670.938	455.635.733	291.670.938
Công ty Đại Phúc	305.509.811	213.856.868	305.509.811	213.856.868
Công ty Gia Hưng	122.900.323	61.450.161	122.900.323	61.450.161
Cty TNHH TM Phú Mỹ	1.136.889.011	305.164.234	1.136.889.011	305.164.234
DNTN Phú lợi	938.854.958	355.261.578	938.854.958	355.261.578
Cty TM Thăng long TNHH	159.169.134	-	159.169.134	-
Cty CP DV Công nghiệp Hàng hải	824.661.834	412.330.916	824.661.834	412.330.916
Cty TNHH TT và Quảng cáo Đất võ	20.000.000	-	20.000.000	-
Cộng	6.311.390.556	2.695.670.369	6.311.390.556	2.695.670.369

8. Tài sản dở dang dài hạn

	31/03/2017	01/01/2017
a. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	-	-
b. Xây dựng cơ bản dở dang	18.707.667.037	14.152.248.981
- Các hạng mục tại Cụm công nghiệp Canh Vinh	631.127.009	631.127.009
- Các hạng mục tại Cty Truyền Hình Cấp	18.076.540.028	13.521.121.972
Cộng	18.707.667.037	14.152.248.981

9. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị, đồ dùng quản lý	Tài sản cố định khác	Tổng cộng
Nguyên giá						
Tại 01/01/2017	66.099.242.400	41.374.259.610	15.155.525.876	1.330.678.251	1.055.483.682	125.015.189.819
Đầu tư mới	-	195.151.651	-	-	-	195.151.651
Tại 31/03/2017	66.099.242.400	41.569.411.261	15.155.525.876	1.330.678.251	1.055.483.682	125.210.341.470
Hao mòn lũy kế						
Tại 01/01/2017	19.058.983.104	27.176.583.968	8.857.299.431	572.242.078	730.388.060	56.395.496.641
Trích khấu hao	746.760.955	664.071.873	278.935.470	47.809.105	25.502.831	1.763.080.234
Tại 31/03/2017	19.805.744.059	27.840.655.841	9.136.234.901	620.051.183	755.890.891	58.158.576.875
Giá trị còn lại						
Tại 01/01/2017	47.040.259.296	14.197.675.642	6.298.226.445	758.436.173	325.095.622	68.619.693.178
Tại 31/03/2017	46.293.498.341	13.728.755.420	6.019.290.975	710.627.068	299.592.791	67.051.764.595

TỔNG CÔNG TY PISICO BÌNH ĐỊNH - CÔNG TY CỔ PHẦN

99 Tây Sơn, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31/03/2017

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

10. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất lâu dài	Quyền sử dụng đất có thời hạn	Phần mềm kế toán	Tổng cộng
Nguyên giá				
Tại ngày 01/01/2017	6.617.820.480	13.607.264.000	54.000.000	20.279.084.480
Đầu tư mới	-	-	-	-
Tại ngày 31/03/2017	6.617.820.480	13.607.264.000	54.000.000	20.279.084.480
Hao mòn lũy kế				
Tại ngày 01/01/2017	-	1.162.201.776	-	1.162.201.776
Trích khấu hao	-	77.160.072	3.375.000	80.535.072
Tại ngày 31/03/2017	-	1.239.361.848	3.375.000	1.242.736.848
Giá trị còn lại				
Tại ngày 01/01/2017	6.617.820.480	12.445.062.224	54.000.000	19.116.882.704
Tại ngày 31/03/2017	6.617.820.480	12.367.902.152	50.625.000	19.036.347.632

11. Tăng, giảm bất động sản đầu tư

	Công trình hạ tầng Cụm công nghiệp Nhơn Bình	Công trình hạ tầng Cụm công nghiệp Cát Nhơn	Công trình hạ tầng Cụm công nghiệp Canh Vinh	Tổng cộng
Nguyên giá				
Tại ngày 01/01/2017	38.635.719.983	29.192.741.975	16.311.419.215	84.139.881.173
Đầu tư mới	-	-	-	-
Tại ngày 31/03/2017	38.635.719.983	29.192.741.975	16.311.419.215	84.139.881.173
Hao mòn lũy kế				
Tại ngày 01/01/2017	26.755.265.619	13.520.520.340	4.584.285.350	44.860.071.309
Trích khấu hao	652.721.914	485.375.067	225.218.777	1.363.315.758
Tại ngày 31/03/2017	27.407.987.533	14.005.895.407	4.809.504.127	46.223.387.067
Giá trị còn lại				
Tại ngày 01/01/2017	11.880.454.364	15.672.221.635	11.727.133.865	39.279.809.864
Tại ngày 31/03/2017	11.227.732.450	15.186.846.568	11.501.915.088	37.916.494.106

Bất động sản đầu tư bao gồm các công trình hạ tầng kỹ thuật tại Cụm công nghiệp Nhơn Bình (thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định), Cụm công nghiệp Cát Nhơn (xã Cát Nhơn, huyện Phù Cát, tỉnh Bình Định) và Cụm công nghiệp Canh Vinh (xã Canh Vinh, huyện Vân Canh, tỉnh Bình Định) đang cho bên thứ 3 thuê.

12. Chi phí trả trước

	31/03/2017	01/01/2017
Chi phí trả trước ngắn hạn	284.010.810	189.202.314
Chi phí trả trước dài hạn	5.506.820.059	5.863.242.107
Cộng	5.790.830.869	6.052.444.421

TỔNG CÔNG TY PISICO BÌNH ĐỊNH - CÔNG TY CỔ PHẦN

99 Tây Sơn, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31/03/2017

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**13. Vay và nợ thuê tài chính**

- Chi tiết phát sinh về các khoản vay và nợ ngắn hạn như sau:

	Tại ngày 01/01/2017	Số tiền vay trong kỳ	Số tiền vay đã trả trong kỳ	CLTG cuối kỳ	Tại ngày 31/03/2017
VCB Quy Nhơn (a)	43.114.142.276	78.389.418.391	67.459.905.941	183.196.032	54.226.850.758
Vay Việt Nam Đồng	5.233.374.806	37.258.366.468	25.916.241.971		16.575.499.303
Vay Đô - la Mỹ	37.880.767.470	41.131.051.923	41.543.663.970	183.196.032	37.651.351.455
Tổ chức khác	-	-	-		
Cộng	43.114.142.276	78.389.418.391	67.459.905.941	183.196.032	54.226.850.758

- Chi tiết phát sinh về các khoản vay và nợ dài hạn như sau:

	Tại ngày 01/01/2017	Số tiền vay trong năm	Số tiền vay đã trả trong năm	Đánh giá lại	Tại ngày 31/03/2017
VCB Quy Nhơn (a)	15.468.330.867	30.787.680	4.750.000.000	-	10.749.118.547
Vay Việt Nam Đồng	15.468.330.867	30.787.680	4.750.000.000		10.749.118.547
Cộng	15.468.330.867	30.787.680	4.750.000.000		10.749.118.547

14. Phải trả cho người bán ngắn hạn

	31/03/2017	01/01/2017
a. Tổng Công ty PISICO	25.913.689.376	23.043.504.460
Công ty TNHH SX TM Hóa keo Bình Thạnh	634.754.560	616.556.820
Công ty TNHH Hiệp Phát	103.260.837	1.074.742.198
Khách hàng Nguyễn Hạnh Cúc (K6)	291.034.000	383.334.000
DNTN Quang Huy	236.146.443	98.818.285
Khách hàng Kim Tuyền	32.146.600	146.211.600
Công ty TNHH TM DV Hoàng Trang	2.597.329.319	1.843.528.128
Khách hàng Lê Hữu Tài	68.674.983	55.768.458
Cửa hàng TCT	239.503.940	343.980.620
Công ty TNHH May Trường Thịnh		307.433.280
Công ty TNHH SX TM Bảo Bảo	87.115.490	57.987.600
Cửa hàng Hoàng Yên	150.680.000	155.693.000
Khách hàng Nguyễn Việt Hưng	74.118.000	53.108.000
Công ty TNHH Xuân Huy Phát	367.413.725	211.257.530
Công ty TNHH Đức Thành	1.133.278.402	753.789.857
Công ty TNHH Phú Gia Lâm		545.883.800
Công ty TNHH Bích Việt	306.610.150	379.894.900
Công ty TNHH Hoàng Khôi	325.916.280	
Công ty TNHH Lê Gia	181.746.598	745.578.239
Công ty TNHH POLY-POXY COATINGS VN		103.268.000
Công ty TNHH SX TM DV Xuyên Việt	96.461.200	117.172.000
Công ty TNHH TM Gia Phát	21.010.000	
DNTN Sao Việt	146.721.190	34.692.900
Công ty TNHH DV TM Tân Phát	255.918.300	282.297.400
Công ty CP SX TM Vĩnh Phúc	52.192.250	78.441.000

TỔNG CÔNG TY PISICO BÌNH ĐỊNH - CÔNG TY CỔ PHẦN

99 Tây Sơn, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31/03/2017

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	31/03/2017	01/01/2017
DNTN Q&B	104.018.750	10.487.400
Công ty TNHH Hoàng Tâm	406.000.937	360.893.935
Công ty TNHH SX TM Sao Vàng	26.863.100	
Công ty TNHH Tân Đại Phú	3.553.000	
Công ty TNHH SX TM Tân Anh Thế	7.675.987	34.906.228
Công ty TNHH SX TM Tâm phú	151.693.465	
Công ty TNHH Nguyên liệu Giấy QN	264.060.000	
Công ty cổ phần Hoàng Hà	14.866.445	200.896.910
Công ty TNHH kỹ nghệ Eco		78.980.000
Công ty TNHH LS Ngọc Hà	93.033.520	237.876.320
Công ty CP Tân Tiến	527.313.345	43.615.000
XN Lắp máy và XD Quang Trung		96.880.000
Công ty CP Kỹ nghệ gỗ Tiến Đạt		31.215.483
Cửa hàng dầu nhớt Thanh Điềm	9.000.000	6.000.000
Công ty TNHH MTV CK Thế Bằng	378.175.945	521.582.209
Khách hàng Phúc Thành	10.800.000	6.480.000
DNTN Thành Xuân	44.112.002	
Khách hàng Trần Khang		47.291.420
Cty CP Petec Bình Định	4.942.000	
Công ty TNHH MTV Anh Minh	85.296.259	185.939.378
DNTN Cơ khí Lam sơn	33.000.000	33.000.000
Công ty TNHH SX TM Lê Dung	214.500.000	
Cty TNHH Phú Sơn	69.816.120	
Công ty TNHH Thành phát VINA	49.898.574	17.335.780
DNTN Ngân Sang	12.457.500	
Công ty TNHH SX TM DV Tân Thành Long	7.456.900	6.736.400
Công ty TNHH Đồng Tiến		836.746.735
DNTN Hữu Phùng		10.050.000
Công ty TNHH TM DV Vận tải Khoa Thanh		11.750.000
Công ty CP Cảng Quy Nhơn		30.166.110
Công ty CPTM Chuyển phát nhanh EPS		11.930.000
Công ty TNHH Sơn Tín Phát	57.860.000	68.090.000
Cửa hàng Đức Chí	1.800.000	
Sudima international Pte Ltd	558.993.519	
Cheunghing Corporation Limited		
DNTN Dệt May TM Vạn Phát	1.000.000.000	1.000.000.000
Công ty cổ phần phần mềm thông tin kinh doanh	9.000.000	27.000.000
JAF GLOBAL GMBH, AUSTRIA		2.713.427.766
Công ty TNHH Thảo Truyền	151.900.000	151.900.000
Công ty cổ phần PISICO Hà Thanh	7.430.894.361	6.039.108.856
Công ty TNHH Thanh Phước		20.306.000
Cty CP Trường Hải	80.254.069	909.901.420
CTy TNHH TM Hậu Nhân	747.611.040	155.464.320
DNTN Quyên Thắng	579.365.717	421.130.985
DNTN Trọng Thủy	1.247.735.437	179.263.920

TỔNG CÔNG TY PISICO BÌNH ĐỊNH - CÔNG TY CỔ PHẦN

99 Tây Sơn, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31/03/2017

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	31/03/2017	01/01/2017
DNTN Thiện Phú	307.783.148	57.083.070
DNTN nhà may Vũ	33.000.000	
Cty TNHH DV Danh Thắng	368.337.937	90.631.200
DNTN TM Bình An	28.630.500	
DNTN Cảnh Toàn	594.405.978	
Cty TNHH ĐT & XD Lê Gia	238.272.731	
DNTN Lê Duy Hiền	1.548.399.520	
Cty TNHH SX TM Đức Thịnh	258.488.560	
Cty TNHH Trồng rừng Phú Hòa	374.581.940	
Cty TNHH TM Hoàng Việt	375.808.803	
b. Công ty CP PT Hạ tầng PBC	23.278.564	23.278.564
Công ty TNHH Xây dựng Bảo Long	2.539.564	2.539.564
Cty TNHH TM & XD Lê Mạnh	20.739.000	20.739.000
c. Công ty TNHH MTV Truyền Hình Cấp QN	1.135.220.258	62.738.584
Công ty TNHH Quốc tế Hoàng long	52.838.584	62.738.584
Nguyễn Văn Tuấn	18.000.000	
Công ty TNHH KT và TV RSM VN - CN MT	-	
Công ty TNHH THC Sài gòn tourist	1.064.381.674	
Cộng	27.072.188.198	23.129.521.608
15. Người mua trả tiền trước		
	31/03/2017	01/01/2017
a. Tổng Công ty PISICO	3.317.439.711	7.373.217.255
Công ty TNHH Nguyên Liệu Giấy QN	192.450.200	-
Khách hàng HARTMAN	141.994.405	-
Khách hàng SMT J/S	6.868.170	6.868.170
Khách hàng GARDEN TEAM (AMIR)		573.799.464
Khách hàng CCST LTD		96.581.987
Khách hàng An seng Enterprises LTD		184.557.726
Công ty TNHH Thuận Hòa		10.000.000
Khách hàng NTH Gardenline Limited	332.361.110	
Công ty TNHH Trồng Rừng QN		6.307.644.082
Khách hàng FREE STYLE	10.765.826	10.765.826
Công ty Kim Thành	2.633.000.000	183.000.000
b. Công ty CP PT Hạ tầng PBC	-	
c. Công ty TNHH MTV Truyền Hình Cấp QN		
Cộng	3.317.439.711	7.373.217.255
16. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước		
	31/03/2017	01/01/2017
Thuế giá trị gia tăng	41.277.150	199.975.568
Thuế thu nhập doanh nghiệp	812.896.893	1.109.552.960
Thuế thu nhập cá nhân	201.302.669	61.917.936
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	139.770.428	-
Cộng	1.195.247.140	1.371.446.464

TỔNG CÔNG TY PISICO BÌNH ĐỊNH - CÔNG TY CỔ PHẦN

99 Tây Sơn, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31/03/2017

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**Chi tiết như sau:**

	Tại ngày 01/01/2017	Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	Tại ngày 31/03/2017
Thuế GTGT bán hàng nội địa	199.975.568	67.373.291	226.071.709	41.277.150
Thuế GTGT hàng NK	-	520.013.293	520.013.293	-
Thuế xuất, nhập khẩu		716.830.602	716.830.602	
Thuế thu nhập DN	175.275.751	1.602.780.278	1.109.552.960	668.503.069
- TCTy PISICO	(934.277.209)	789.883.385	-	(144.393.824)
- Cty TNHH Truyền Hình Cấp	714.951.710	629.674.567	714.951.710	629.674.567
- Cty CP PT Hạ Tầng PBC	394.601.250	183.222.326	394.601.250	183.222.326
Thuế môn bài	(1.000.000)	14.000.000	13.000.000	-
Thuế nhà đất, thuê đất	-	139.770.428	-	139.770.428
Thuế thu nhập cá nhân	61.917.936	277.886.021	138.501.288	201.302.669
Cộng	436.169.255	3.338.653.913	2.723.969.852	1.050.853.316

17. Chi phí phải trả

	31/03/2017	01/01/2017
Chi phí thuê bản quyền truyền hình	357.954.546	405.193.294
Lãi vay phải trả	-	36.429.814
Tiền lương, phép và tiền ăn ca của cán bộ công nhân viên	190.387.500	195.855.691
Các khoản chi phí khác	2.427.821.948	1.100.021.596
Tiền nước sản xuất (Cty PBC)	87.798.600	-
Phí kiểm toán BCTC	109.090.909	160.681.819
Cộng	3.173.053.503	1.898.182.214

18. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	31/03/2017	01/01/2017
Tiền bảo hành các hạng mục XD CB	55.925.000	84.548.230
Cty TNHH SX TM DV Q&B	47.837.500	
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	399.347.130	113.645.025
Cty TNHH THC Saigontourist (LN phải trả)	-	2.000.000.000
Kinh phí công đoàn	534.936.374	438.602.184
Cty Nhuận bang (LN Phải trả)	58.634.180	58.634.180
Công ty Cổ phần thực phẩm XK Bình Định	720.310.500	720.310.500
Công ty CP TM ĐT&PT Miền Núi	113.784.055	113.784.055
Phải trả Công Đoàn TCTy	913.552.890	917.533.956
Tiền ốm đau, thai sản (có 1388)	123.640.400	121.307.900
Các khoản khác	52.892.679	88.859.452
Cộng	3.020.860.708	4.657.225.482

19. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Tại ngày 01/01/2017	566.848.180
Trích từ lợi nhuận sau thuế	2.882.560.000
Thu khác	1.820.000
Chi khen thưởng, phúc lợi	2.692.340.919
Số dư tại 31/03/2017	758.887.261

TỔNG CÔNG TY PISICO BÌNH ĐỊNH - CÔNG TY CỔ PHẦN

99 Tây Sơn, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31/03/2017

20. Doanh thu chưa thực hiện

	<u>31/03/2017</u>	<u>01/01/2017</u>
a. Ngắn hạn	3.624.026.572	6.338.563.368
Doanh thu nhận trước cho thuê cơ sở hạ tầng CCN Nhơn Bình	481.600.988	2.133.608.377
Doanh thu nhận trước tiền cho thuê cơ sở hạ tầng Cụm công nghiệp Canh Vinh và Cát Nhơn chưa thực hiện.	2.832.969.245	4.069.953.647
Cho thuê Văn phòng	144.000.000	
Doanh thu nhận trước tiền thuê bao Truyền hình cáp	165.456.339	135.001.344
b. Dài hạn	23.725.549.796	23.514.379.415
Doanh thu nhận trước tiền cho thuê cơ sở hạ tầng Cụm công nghiệp Canh Vinh và Cát Nhơn chưa thực hiện.	15.148.149.917	14.936.979.536
Doanh thu nhận trước tiền cho thuê cơ sở hạ tầng Cụm công nghiệp Nhơn Bình chưa thực hiện.	8.577.399.879	8.577.399.879
Cộng	<u>27.349.576.368</u>	<u>29.852.942.783</u>

TỔNG CÔNG TY PISICO BÌNH ĐỊNH - CÔNG TY CỔ PHẦN

99 Tây Sơn, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31/03/2017

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

21. Vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Tại ngày 01/01/2016	275.000.000.000	522.569.600	29.220.288.321	5.335.610.923	38.698.544.409	348.777.013.253
Lợi nhuận năm 2016					37.433.197.097	37.433.197.097
Trích Quỹ ĐTPT				3.673.616.617	(3.673.616.617)	-
Trích Quỹ Khen thưởng Phúc lợi					(5.307.012.810)	(5.307.012.810)
Chia cổ tức					(13.750.000.000)	(13.750.000.000)
Chia lợi nhuận cho đối tác hợp tác kinh doanh (TH Cáp)					(7.038.243.435)	(7.038.243.435)
Các khoản tăng/giảm vốn CSH tại Cty liên kết					(3.631.881.376)	(3.631.881.376)
CL tỷ giá năm 2016			(2.524.355.995)			(2.524.355.995)
Tại ngày 31/12/2016	275.000.000.000	522.569.600	26.695.932.326	9.009.227.540	42.730.987.268	353.958.716.734
Tại ngày 01/01/2017	275.000.000.000	522.569.600	26.695.932.326	9.009.227.540	42.730.987.268	353.958.716.734
Lợi nhuận Quý 1/2017					7.279.726.081	7.279.726.081
Trích Quỹ Khen thưởng Phúc lợi					(2.731.430.000)	(2.731.430.000)
Chia cổ tức					(13.750.000.000)	(13.750.000.000)
Các khoản tăng/giảm vốn CSH tại Cty liên kết					(31.280.000)	(31.280.000)
Tại ngày 31/03/2017	275.000.000.000	522.569.600	26.695.932.326	9.009.227.540	33.498.003.349	344.725.732.815

TỔNG CÔNG TY PISICO BÌNH ĐỊNH - CÔNG TY CỔ PHẦN

99 Tây Sơn, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31/03/2017

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Vốn góp của chủ sở hữu

Cổ đông	Tại ngày 31/03/2017		Tại ngày 01/01/2017	
	Tỷ lệ (%)	Giá trị	Tỷ lệ (%)	Giá trị
Quỹ Đầu tư Phát triển BĐ	86,82	238.770.000.000	86,82	238.770.000.000
Các cổ đông khác	13,18	36.230.000.000	13,18	36.230.000.000
Cộng		275.000.000.000		275.000.000.000

	31/03/2017	01/01/2017
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	27.500.000	27.500.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng		
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	27.500.000	27.500.000
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)		
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành		
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	27.500.000	27.500.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phiếu.		

22. Lợi ích của cổ đông thiểu số

	Công ty Cổ phần Dịch vụ và Phát triển hạ tầng P.B.C	Tổng cộng
Tại ngày 01/01/2016	6.512.981.424	6.512.981.424
LN của cổ đông thiểu số 2016	1.259.422.294	1.259.422.294
Trích quỹ khen thưởng và phúc lợi từ lợi nhuận của CĐTS	(113.973.615)	(113.973.615)
Tại ngày 31/12/2016	7.658.430.103	7.658.430.103
Tại ngày 01/01/2017	7.658.430.103	7.658.430.103
LN của cổ đông thiểu số 2017	207.634.380	207.634.380
Trích quỹ khen thưởng và phúc lợi từ lợi nhuận của CĐTS	(151.130.000)	(151.130.000)
Chia cổ tức cho CĐTS	(875.000.000)	(875.000.000)
Tại ngày 31/03/2017	6.839.934.483	6.839.934.483

23. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán:

	31/03/2017	01/01/2017
a. Tài sản thuê ngoài	-	-
b. Tài sản nhận giữ hộ	-	-
c. Ngoại tệ các loại		
Dollar Mỹ (USD)	99.203,77	157.230,38
EURO	428,78	489,15
d. Nợ khó đòi đã xử lý	5.623.669.639	5.623.669.639

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH HỢP NHẤT

TỔNG CÔNG TY PISICO BÌNH ĐỊNH - CÔNG TY CỔ PHẦN

99 Tây Sơn, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31/03/2017

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Từ 01/01/2017 -> 31/03/2017	Từ 01/01/2016 -> 31/03/2016
Tổng doanh thu	136.163.133.891	120.049.275.985
Các khoản giảm trừ		-
Doanh thu thuần	136.163.133.891	120.049.275.985
Trong đó:		
Doanh thu sản phẩm Lâm sản và DV Lâm nghiệp	123.782.894.905	107.736.513.226
Doanh thu cho thuê và DV hạ tầng Khu công nghiệp	3.836.997.844	3.529.759.010
Doanh thu DV Truyền Hình Cấp	8.543.241.142	8.783.003.749
Cộng	136.163.133.891	120.049.275.985

2. Giá vốn hàng bán

	Từ 01/01/2017 -> 31/03/2017	Từ 01/01/2016 -> 31/03/2016
Giá vốn sản phẩm Lâm sản và DV Lâm nghiệp	107.469.142.244	95.632.144.233
Giá vốn cho thuê và DV hạ tầng Khu công nghiệp	2.170.669.334	2.033.287.211
Giá vốn DV Truyền Hình Cấp	3.498.953.869	3.188.374.488
Cộng	113.138.765.447	100.853.805.932

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Từ 01/01/2017 -> 31/03/2017	Từ 01/01/2016 -> 31/03/2016
Cổ tức và lợi nhuận được chia	227.500.000	1.137.500.000
Lãi tiền gửi, cho vay	101.974.276	213.017.588
Lãi chênh lệch tỷ giá	348.955.903	807.783.146
Cộng	678.430.179	2.158.300.734

4. Chi phí tài chính

	Từ 01/01/2017 -> 31/03/2017	Từ 01/01/2016 -> 31/03/2016
Chi phí lãi vay	412.484.956	617.303.488
Lỗ chênh lệch tỷ giá	293.750.456	592.852.909
Cộng	706.235.412	1.210.156.397

5. Thu nhập khác

	Từ 01/01/2017 -> 31/03/2017	Từ 01/01/2016 -> 31/03/2016
Lãi thanh lý tài sản cố định	-	50.317.867
Xử lý nợ, Thu hồi nợ	5.609.162	1.976.500
Thu nhập khác	7.000.000	-
Cộng	12.609.162	52.294.367

TỔNG CÔNG TY PISICO BÌNH ĐỊNH - CÔNG TY CỔ PHẦN

99 Tây Sơn, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31/03/2017

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**6. Chi phí khác**

	Từ 01/01/2017 -> 31/03/2017	Từ 01/01/2016 -> 31/03/2016
Xử lý nợ	31.664	-
Chi thù lao HĐQT tại Cty PBC	21.000.000	21.000.000
Các khoản chi phí khác	4.993.000	-
Cộng	26.024.664	21.000.000

7. Phần lãi/lỗ trong công ty liên kết, liên doanh

	Từ 01/01/2017 -> 31/03/2017	Từ 01/01/2016 -> 31/03/2016
Phần lãi / (lỗ) trong lợi nhuận sau thuế tính theo tỷ lệ sở hữu của Tập đoàn tại các công ty liên kết:		
- Công ty Cổ phần Chế biến gỗ Pisico Đồng An	949.244.350	1.232.851.882
Cộng	949.244.350	1.232.851.882

8. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Từ 01/01/2017 -> 31/03/2017	Từ 01/01/2016 -> 31/03/2016
Lợi nhuận trước thuế	9.090.140.739	10.577.110.586
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận để xác định lợi nhuận chịu thuế TNDN		
Các khoản điều chỉnh tăng	100.505.000	110.941.000
Các khoản chi phí không được trừ	100.505.000	110.941.000
Các khoản điều chỉnh giảm	1.176.744.350	2.370.351.882
Cổ tức và phần lãi từ công ty liên kết	1.176.744.350	2.370.351.882
Tổng thu nhập chịu thuế TNDN	8.013.901.389	8.317.699.704
Trong đó:		
Tổng thu nhập chịu thuế suất 20%	8.013.901.389	8.317.699.704
Thuế TNDN tính theo thuế suất	1.602.780.278	1.663.539.942
Thuế TNDN được miễn giảm	-	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	1.602.780.278	1.663.539.942

9. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số

	Từ 01/01/2017 -> 31/03/2017	Từ 01/01/2016 -> 31/03/2016
Lợi nhuận sau thuế tính cho cổ đông thiểu số tại các Cty con:		
- Công ty Cổ phần Dịch vụ phát triển hạ tầng P.B.C	207.634.380	218.729.256
Cộng	207.634.380	218.729.256

TỔNG CÔNG TY PISICO BÌNH ĐỊNH - CÔNG TY CỔ PHẦN

99 Tây Sơn, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31/03/2017

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**10. Lãi cơ bản, Lãi suy giảm trên cổ phiếu**

	Từ 01/01/2017 -> 31/03/2017	Từ 01/01/2016 -> 31/03/2016
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ	7.279.726.081	8.694.841.388
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông		
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	7.279.726.081	8.694.841.388
Trích Quỹ khen thưởng, Phúc lợi	-	-
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	27.500.000	27.500.000
Cổ phiếu phổ thông dự kiến phát hành thêm		
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	265	316
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	265	316

11. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố

	Từ 01/01/2017 -> 31/03/2017	Từ 01/01/2016 -> 31/03/2016
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	25.185.898.230	16.322.600.109
Chi phí nhân công	16.921.900.954	18.148.048.626
Chi phí khấu hao tài sản cố định	3.206.931.064	2.857.716.572
Chi phí dịch vụ mua ngoài	27.478.864.092	25.665.317.804
Chi phí khác bằng tiền	5.066.580.627	6.432.427.275
Cộng	77.860.174.967	69.426.110.386

VII THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**1. Khấu hao tài sản cố định**

	Từ 01/01/2017 -> 31/03/2017	Từ 01/01/2016 -> 31/03/2016
Khấu hao tài sản cố định hữu hình	1.763.080.234	1.422.144.532
Khấu hao tài sản cố định vô hình	80.535.072	77.160.072
Khấu hao bất động sản	1.363.315.758	1.358.411.968
Cộng	3.206.931.064	2.857.716.572

2. Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư

	Từ 01/01/2017 -> 31/03/2017	Từ 01/01/2016 -> 31/03/2016
Lãi tiền gửi, cho vay	101.974.276	213.017.588
Lãi từ thanh lý tài sản cố định	-	50.317.867
Cổ tức và lợi nhuận được chia	227.500.000	1.137.500.000
Lãi/lỗ trong công ty liên kết, liên doanh	949.244.350	1.232.851.882
Cộng	1.278.718.626	2.633.687.337

TỔNG CÔNG TY PISICO BÌNH ĐỊNH - CÔNG TY CỔ PHẦN

99 Tây Sơn, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31/03/2017

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**3. Tiền thu từ đi vay**

	Từ 01/01/2017 -> 31/03/2017	Từ 01/01/2016 -> 31/03/2016
Tiền vay ngân hàng	78.420.206.071	70.831.407.057
Cộng	78.420.206.071	70.831.407.057

4. Tiền chi trả nợ gốc vay

	Từ 01/01/2017 -> 31/03/2017	Từ 01/01/2016 -> 31/03/2016
Tiền vay ngân hàng	72.209.905.941	82.086.790.983
Cộng	72.209.905.941	82.086.790.983

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**1. Báo cáo bộ phận**

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh: Là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc các dịch vụ có liên quan mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Tập đoàn có các bộ phận kinh doanh chính phân chia theo các lĩnh vực chính dưới sự quản lý của Tập đoàn, cụ thể như sau:

- Kinh doanh các sản phẩm lâm sản và dịch vụ lâm nghiệp: bao gồm sản xuất chế biến, mua bán lâm sản, trồng rừng, các sản phẩm và sản phẩm dịch vụ liên quan đến rừng trồng;
- Kinh doanh hạ tầng cụm công nghiệp và các dịch vụ đi kèm;
- Dịch vụ truyền hình cáp và các dịch vụ đi kèm;
- Đầu tư tài chính: Đầu tư vào các công ty liên doanh liên kết và các doanh nghiệp khác có hoạt động kinh doanh phù hợp với hoạt động kinh doanh chính của Tổng Công ty.

TỔNG CÔNG TY PISICO BÌNH ĐỊNH - CÔNG TY CỔ PHẦN

99 Tây Sơn, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT




Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31/03/2017


Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	Sản phẩm lâm sản và dịch vụ lâm nghiệp	Hạ tầng Cụm Công nghiệp	Truyền hình cáp	Đầu tư tài chính	Phần theo dõi và quản lý chung	Cộng
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	123.782.894.905	3.836.997.844	8.543.241.142			136.163.133.891
Doanh thu hoạt động tài chính và lợi nhuận từ công ty liên kết	348.955.903	53.606.085	3.451.444	1.176.744.350	44.916.747	1.627.674.529
Thu nhập khác	293.162	0	12.316.000			12.609.162
Tổng doanh thu và thu nhập khác	124.132.143.970	3.890.603.929	8.559.008.586	1.176.744.350	44.916.747	137.803.417.582
Giá vốn hàng bán	107.469.142.244	2.170.669.334	3.498.953.869			113.138.765.447
Chi phí bán hàng	8.539.658.078		449.074.950			8.988.733.028
Chi phí quản lý doanh nghiệp	3.734.706.103	664.605.258	1.454.206.931	0		5.853.518.292
Chi phí tài chính	293.750.456		0		412.484.956	706.235.412
Chi phí khác	5.024.664	21.000.000	0			26.024.664
Chi phí phân bổ trực tiếp của bộ phận	120.042.281.545	2.856.274.592	5.402.235.750	0		128.300.791.887
Chi phí được theo dõi chung của các bộ phận					412.484.956	412.484.956
Tổng chi phí	120.042.281.545	2.856.274.592	5.402.235.750	0	412.484.956	128.713.276.843
Tổng lợi nhuận trước thuế TNDN	4.089.862.425	1.034.329.337	3.156.772.836	1.176.744.350	-367.568.209	9.090.140.739
Tổng chi phí khấu hao TSCĐ và bất động sản đầu tư	1.414.790.547	1.405.755.872	386.384.645			3.206.931.064
Tổng chi phí phát sinh để mua TSCĐ	0	0	195.151.651			195.151.651
Tài sản phân bổ trực tiếp của bộ phận	175.433.509.551	81.330.496.986	29.773.238.402	186.631.538.893		473.168.783.832
Tài sản được theo dõi và quản lý chung					24.265.485.655	24.265.485.655
Tổng tài sản	175.433.509.551	81.330.496.986	29.773.238.402	186.631.538.893	24.265.485.655	497.434.269.487

2. Thông tin khác

Bình Định, ngày 24 tháng 04 năm 2017



Nguyễn Ngọc Minh Thái Minh Trung Nguyễn Tân Bình
 Kế toán tổng hợp Kế toán trưởng Tổng Giám đốc